

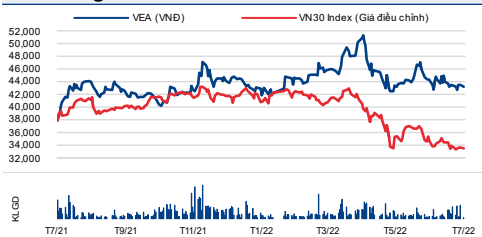
Mua vào

Giá mục tiêu: VND56,700
 Tiềm năng tăng/giảm: 30.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (19/7/2022)	43,500
Mã Bloomberg	VEA.VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	38,600-51,300
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	43,400
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	57,803
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	2,468
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,329
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	651
Slg CP NN được mua (tr.đv)	576
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	5.64%
Tỷ lệ freefloat	11.5%
Cổ đông lớn	Bộ Công Thương (88.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-21A	12-22F	12-23F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	4,019	4,421	4,642
EBITDA đc (tỷ đồng)	5,552	5,934	6,675
LNTT (tỷ đồng)	5,942	6,306	7,068
LNT ĐC (tỷ đồng)	5,742	6,074	6,808
FCF (tỷ đồng)	(280)	263	(301)
EPS ĐC (đồng)	4,321	4,571	5,123
DPS (đồng)	4,038	4,242	4,502
BVPS (đồng)	17,829	18,397	19,316
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	8.42	6.88	12.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	3.60	6.14	12.1
Tăng trưởng DPS (%)	(26.0)	5.06	6.14
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	138	134	144
Tỷ suất LNTT (%)	148	143	152
Tỷ suất LNT ĐC (%)	143	138	147
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	93.3	92.3	87.4
Nợ thuần/VCSH (%)	0.07	(1.93)	(2.98)
ROAE (%)	23.5	25.4	27.3
ROACE (%)	21.4	23.3	25.3
EV/doanh thu (lần)	29.8	26.9	25.6
EV/EBITDA ĐC (lần)	21.5	20.1	17.8
P/E ĐC (lần)	10.1	9.52	8.49
P/B (lần)	2.44	2.36	2.25
Lợi suất cổ tức (%)	9.28	9.75	10.4

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VEAM nắm cổ phần tại các liên doanh hàng đầu về sản xuất ô tô và xe máy tại Việt Nam (Honda, Toyota và Ford) và sản xuất máy nông nghiệp

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA
 Chuyên Viên, Ngành Công Nghiệp
 nga.ttthu@hsc.com.vn
 +84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
 Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
 han.vtn@hsc.com.vn
 +84 28 3823 3299 Ext. 314

Tháng 6/2022: Nguồn cung khó khăn tác động tới doanh số

- Doanh số xe máy Honda trong tháng 6/2022 tiếp tục chịu ảnh hưởng do thiếu cung, giảm nhẹ 1% so với mức nền thấp trong tháng 6/2021. Trong Q2/2022, doanh số xe máy của Honda giảm 6% xuống 487.791 chiếc.
- Doanh số ô tô của các liên doanh tăng chậm lại trong tháng 6/2022 (12% so với cùng kỳ) do chính sách hỗ trợ 50% lệ phí trước bạ đã kết thúc vào cuối tháng 5/2022. Trong Q2/2022, tổng doanh số của các liên doanh tăng mạnh 59%.
- Nguồn cung xe máy sẽ cải thiện từ tháng 7 do các nhà cung cấp Trung Quốc đã nối lại sản xuất. Trong khi đó, chúng tôi kỳ vọng nhu cầu mua ô tô vẫn cao.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu là 56.700đ.

Sự kiện: Công bố doanh số tháng 6/2022 của các liên doanh

Doanh số xe máy của Honda tiếp tục chịu ảnh hưởng do chuỗi cung ứng bị gián đoạn. Mặc dù các nhà cung cấp tại Thượng Hải đã nối lại sản xuất từ đầu tháng 6, nhưng nguồn cung vẫn gặp khó khăn do thời gian giao hàng chậm.

Trong khi đó, doanh số ô tô tăng chậm lại khi chính sách hỗ trợ miễn 50% lệ phí trước bạ đối với xe lắp ráp trong nước đã hết hạn vào cuối tháng 5/2022.

Xe máy: Nguồn cung thiếu hụt tiếp tục tác động tới doanh thu

Doanh số xe máy của Honda là 147.693 chiếc trong tháng 6/2022, giảm 1,4% so với mức nền thấp trong tháng 6/2021 do thiếu hụt nguồn cung. Nguồn cung cấp chip cho xe tay ga bị gián đoạn do các nhà cung cấp tại Thượng Hải ngừng sản xuất trong bối cảnh thành phố áp dụng các biện pháp phong tỏa. Giá bán lẻ của những mẫu xe không đủ nguồn cung này đã được các đại lý đẩy lên cao, gây ra những phản ứng từ người tiêu dùng.

Doanh số xe máy của Honda trong Q2/2022 là 487.791 chiếc (giảm 6,5% so với cùng kỳ), so với giảm 1,8% so với cùng kỳ trong toàn ngành. Nhu cầu vẫn được duy trì, nhưng người tiêu dùng đã tìm kiếm các sản phẩm khác có giá hợp lý hơn. Do đó, thị phần của Honda đã giảm xuống 74,4% trong Q2/2022 so với 78,1% trong Q2/2021.

Theo chúng tôi được biết, nguồn cung xe tay ga của Honda sẽ dần phục hồi vào tháng 7 khi các nhà cung cấp tại Thượng Hải đã hoạt động trở lại. Các sản phẩm Honda Vision sẽ được bổ sung trong tháng 7/2022, trong khi nguồn cung của các mẫu xe Lead và SH sẽ cải thiện trong tháng 8 và tháng 9/2022.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 20/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Doanh số xe máy trong T6/2022 và Q2/2022

Doanh số xe máy của Honda trong Q2/2022 giảm 6,5% so với cùng kỳ, so với giảm 1,8% so với cùng kỳ trong toàn ngành

	T6/2021	T6/2022	y/y	Q2/21	Q2/22	y/y
Honda	149,853	147,693	-1.4%	521,533	487,791	-6.5%
VAMM				667,360	655,433	-1.8%
Thị phần của Honda				78.1%	74.4%	

Nguồn: Honda, VAMM

Ô tô: Tăng trưởng chậm lại sau khi chính sách hỗ trợ của Chính phủ đáo hạn

Doanh số ô tô toàn ngành giảm 4,1% so với cùng kỳ và 41,2% so với tháng trước trong tháng 6/2022 xuống 28.835 chiếc, do (i) chính sách hỗ trợ miễn 50% lệ phí trước bạ đối với xe lắp ráp trong nước của Chính phủ đã hết hạn vào cuối tháng 5/2022, và (ii) tình trạng thiếu hụt chip đã gây thiệt hại lớn cho một số doanh nghiệp.

Doanh số của các thành viên VAMA tăng 7,3% so với cùng kỳ đạt 22.067 chiếc trong tháng 6/2022. Trong khi đó, doanh số của các thành viên không thuộc VAMA giảm đáng kể so với cùng kỳ, trong đó doanh số Hyundai giảm 23,0% so với cùng kỳ và doanh số Vinfast giảm 29,2% so với cùng kỳ. Trong khi doanh số của Hyundai chịu ảnh hưởng từ những khó khăn về nguồn cung, doanh số của Vinfast giảm do hãng ngừng nhận đơn đặt hàng các mẫu xe động cơ đốt trong; Vinfast hiện sẽ chỉ cung cấp sản phẩm cho các đơn đặt hàng trước hiện có.

Tổng doanh số ô tô của các liên doanh của VEA tăng 12,0% so với cùng kỳ đạt 9.058 chiếc trong tháng 6/2022, trong đó doanh số Toyota tăng khiêm tốn 1,3% so với cùng kỳ, trong khi doanh số Honda và Ford tăng vượt mức trung bình, lần lượt tăng 9,8% và 58,4% so với cùng kỳ.

Trong Q2/2022, tổng doanh số ô tô của Việt Nam tăng 28,4% so với cùng kỳ, trong khi doanh số của các công ty liên doanh của VEA vượt trội hơn với mức tăng trưởng chung 59,0% so với cùng kỳ. Honda và Toyota dường như vẫn quản lý chuỗi cung ứng tốt hơn so với các đối thủ cạnh tranh, từ đó hỗ trợ tăng trưởng doanh số vượt trội hơn trong giai đoạn khủng hoảng nguồn cung. Do đó, thị phần của các liên doanh của VEA đã tăng đáng kể lên 33,8% trong Q2/2022 từ 27,3% trong Q2/2021 và 29,4% trong năm 2021.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo

Từ đó, HSC dự báo lợi nhuận thuần Q2/2022 sẽ giảm 7% so với cùng kỳ xuống 1.575 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần trong 6 tháng đầu năm 2022 sẽ đạt 3.040 tỷ đồng (giảm 2,8% so với cùng kỳ và đạt 49,8% dự báo cả năm 2022 của chúng tôi).

Chúng tôi duy trì dự báo lợi nhuận thuần lần lượt là 6.105 tỷ đồng (tăng trưởng 6,1%) và 6.842 tỷ đồng (tăng trưởng 12,1%) trong năm 2022 và 2023.

VEA đang giao dịch với P/E dự phóng 2022 và 2023 lần lượt là 9,5 lần và 8,5 lần; tương đương P/E trượt dự phóng 1 năm là 8,9 lần, so với mức bình quân trong quá khứ là 10,2 lần (tính từ năm 2019). HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu là 56.700đ (tiềm năng tăng giá là 30%).

Bảng 2: Doanh số bán hàng trong T6/2022 và Q2/2022 tại Việt Nam

Doanh số ô tô toàn ngành giảm nhẹ trong T6/2022 do các chính sách hỗ trợ của Chính phủ đã hết hạn

Chiếc	T6/2021	T6/2022	y/y	Q2/21	Q2/22	y/y
Tổng toàn ngành	30,056	28,835	-4.1%	97,617	125,364	28.4%
Thành viên VAMA	20,562	22,067	7.3%	69,123	99,670	44.2%
Liên doanh VEA	8,087	9,058	12.0%	26,618	42,321	59.0%
Toyota	5,253	5,322	1.3%	16,202	24,958	54.0%
Honda	1,550	1,702	9.8%	4,902	10,986	124.1%
Ford	1,284	2,034	58.4%	5,514	6,377	15.7%
Tổng Thaco	7,689	8,066	4.9%	26,716	38,972	45.9%
Kia	3,290	3,517	6.9%	10,847	18,690	72.3%
Mazda	1,862	1,931	3.7%	6,822	10,382	52.2%
Mitsubishi	1,825	2,283	25.1%	7,802	9,178	17.6%
Hyundai	5,558	4,278	23.0%	18,149	17,727	-2.3%
Vinfast	3,517	2,490	29.2%	9,089	7,967	-12.3%

Nguồn: VAMA, TC Motor, Vinfast

Bảng 3: Thị phần ô tô trong T6/2022 và Q2/2022

Các liên doanh VEA giành thị phần đáng kể trong Q2/2022

	T6/2021	T6/2022	y/y	Q2/21	Q2/22	T6/2021
Tổng toàn ngành	100.0%	100.0%	0.0%	100.0%	100.0%	0.0%
Thành viên VAMA	68.4%	76.5%	8.1%	70.8%	79.5%	8.7%
Liên doanh VEA	26.9%	31.4%	4.5%	27.3%	33.8%	6.5%
Toyota	17.5%	18.5%	1.0%	16.6%	19.9%	3.3%
Honda	5.2%	5.9%	0.7%	5.0%	8.8%	3.7%
Ford	4.3%	7.1%	2.8%	5.6%	5.1%	-0.6%
Tổng Thaco	25.6%	28.0%	2.4%	27.4%	31.1%	3.7%
Kia	10.9%	12.2%	1.3%	11.1%	14.9%	3.8%
Mazda	6.2%	6.7%	0.5%	7.0%	8.3%	1.3%
Mitsubishi	6.1%	7.9%	1.8%	8.0%	7.3%	-0.7%
Hyundai	18.5%	14.8%	-3.7%	18.6%	14.1%	-4.5%
Vinfast	11.7%	8.6%	-3.1%	9.3%	6.4%	-3.0%

Nguồn: VAMA, TC Motor, Vinfast, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Doanh thu	3,667	4,019	4,421	4,642	4,874
Lợi nhuận gộp	187	565	530	511	536
Chi phí BH&QL	(478)	(492)	(508)	(534)	(560)
Thu nhập khác	5,124	5,177	5,592	6,372	6,855
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	4,833	5,249	5,614	6,349	6,831
Lãi vay thuần	970	707	707	735	787
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(7.57)	(14.1)	(14.9)	(16.8)	(18.0)
LNTT	5,795	5,942	6,306	7,068	7,599
Chi phí thuế TNDN	(201)	(148)	(156)	(175)	(188)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(42.4)	(42.5)	(45.1)	(50.5)	(54.3)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	5,552	5,752	6,105	6,842	7,357
Lợi nhuận thuần ĐC	5,495	5,742	6,074	6,808	7,320
EBITDA ĐC	5,121	5,552	5,934	6,675	7,164
EPS (đồng)	4,178	4,328	4,594	5,149	5,536
EPS ĐC (đồng)	4,135	4,321	4,571	5,123	5,509
DPS (đồng)	5,453	4,038	4,242	4,502	5,046
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,329	1,329	1,329	1,329	1,329
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,329	1,329	1,329	1,329	1,329
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,329	1,329	1,329	1,329	1,329

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Tiền & tương đương tiền	306	279	792	1,103	1,534
Đầu tư ngắn hạn	13,265	11,802	11,935	12,764	13,646
Phải thu khách hàng	4,278	3,603	3,978	4,177	4,386
Hàng tồn kho	1,309	1,472	1,556	1,652	1,735
Các tài sản ngắn hạn khác	112	131	133	139	146
Tổng tài sản ngắn hạn	19,269	17,287	18,395	19,836	21,448
TSCĐ hữu hình	2,045	1,821	1,607	1,389	1,167
TSCĐ vô hình	76.5	74.6	83.8	94.0	105
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	429	472	354	371	390
Đầu tư vào Cty LD,LK	5,303	5,249	5,249	5,249	5,249
Tài sản dài hạn khác	102	97.5	104	109	115
Tổng tài sản dài hạn	7,955	7,714	7,398	7,213	7,026
Tổng cộng tài sản	27,224	25,001	25,793	27,049	28,473
Nợ ngắn hạn	164	248	272	289	304
Phả trả người bán	278	327	354	371	390
Nợ ngắn hạn khác	1,348	575	561	561	561
Tổng nợ ngắn hạn	1,887	1,250	1,288	1,322	1,355
Nợ dài hạn	0.06	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	44.2	44.8	44.8	44.8	44.8
Nợ dài hạn khác	10.9	15.0	14.4	14.4	14.4
Tổng nợ dài hạn	55.2	59.8	59.2	59.2	59.2
Tổng nợ phải trả	1,942	1,310	1,347	1,381	1,415
Vốn chủ sở hữu	25,282	23,691	24,446	25,667	27,059
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng vốn chủ sở hữu	25,282	23,691	24,446	25,667	27,059
Tổng nợ phải trả và VCSH	27,224	25,001	25,793	27,049	28,473
BVPS (đ)	19,026	17,829	18,397	19,316	20,363
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(142)	(31.7)	(520)	(813)	(1,230)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
EBIT	4,833	5,249	5,614	6,349	6,831
Khấu hao	(288)	(303)	(320)	(326)	(333)
Lãi vay thuần	970	707	707	735	787
Thuế TNDN đã nộp	(159)	(162)	(156)	(175)	(188)
Thay đổi vốn lưu động	274	(307)	(584)	(1,114)	(1,162)
Khác	(66.2)	(114)	0	0	0
LCT thuần từ HKKD	282	(280)	263	(301)	(310)
Đầu tư TS dài hạn	-	-	-	-	-
Góp vốn & đầu tư	(127)	(61.9)	(120)	(123)	(127)
Thanh lý	2.71	9.25	0	0	0
Khác	6,021	8,294	5,710	6,354	6,837
LCT thuần từ HĐĐT	5,896	8,241	5,590	6,231	6,710
Cổ tức trả cho CSH	(11,355)	(8,069)	(5,365)	(5,637)	(5,983)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(94.7)	83.7	24.7	16.9	14.5
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(11,450)	(7,985)	(5,341)	(5,620)	(5,968)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,576	306	279	792	1,103
LCT thuần trong kỳ	(5,271)	(24.5)	513	310	431
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.73	(1.92)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	306	279	792	1,103	1,534
Dòng tiền tự do	282	(280)	263	(301)	(310)

Các chỉ số tài chính	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	5.11	14.0	12.0	11.0	11.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	140	138	134	144	147
Tỷ suất LNT (%)	151	143	138	147	151
Thuế TNDN hiện hành (%)	3.47	2.49	2.48	2.48	2.48
Tăng trưởng doanh thu (%)	(18.3)	9.59	10.0	5.00	5.00
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(26.5)	8.42	6.88	12.5	7.32
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(23.3)	4.50	5.79	12.1	7.52
Tăng trưởng EPS (%)	(23.7)	3.60	6.14	12.1	7.52
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(23.3)	4.50	5.79	12.1	7.52
Tăng trưởng DPS (%)	3.81	(26.0)	5.06	6.14	12.1
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	131	93.3	92.3	87.4	91.1
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	21.3	23.5	25.4	27.3	27.9
ROACE (%)	18.5	21.4	23.3	25.3	25.9
Vòng quay tài sản (lần)	0.12	0.15	0.17	0.18	0.18
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.06	(0.05)	0.05	(0.05)	(0.05)
Số ngày tồn kho	137	156	146	146	146
Số ngày phải thu	449	381	373	369	369
Số ngày phải trả	29.2	34.5	33.2	32.8	32.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(0.45)	0.07	(1.93)	(2.98)	(4.37)
Nợ/tài sản (%)	0.71	1.19	1.24	1.25	1.24
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.04	0.05	0.05	0.05	0.05
Chỉ số TT hiện thời (lần)	10.2	13.8	14.3	15.0	15.8
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	32.6	29.8	26.9	25.6	24.3
EV/EBITDA ĐC (lần)	23.3	21.5	20.1	17.8	16.5
P/E (lần)	10.4	10.0	9.47	8.45	7.86
P/E ĐC (lần)	10.5	10.1	9.52	8.49	7.90
P/B (lần)	2.29	2.44	2.36	2.25	2.14
Lợi suất cổ tức (%)	12.5	9.28	9.75	10.4	11.6

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn